



mú bǎn

模板

noun · template; mold

Example Sentences

Zhè ge mú bǎn kě yǐ zhí jiē shǐ yòng

这个模板可以直接使用。

This template can be used directly.

Shè jì shī yòng mú bǎn huà chū le fáng zi de jī běn jié gòu

设计师用模板画出了房子的基本结构。

The designer used a template to draw the basic structure of the house.

Trace each character, then write the word on your own.

模	模	模	模	模	模	模	模	模	模	模
模	模	模	模	模	模					
板	板	板	板	板	板	板	板	板	板	板